

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2021/DS-PT

Ngày: 08-9-2021.

V/v Tranh chấp tài sản thuộc sở hữu chung
và tranh chấp về thừa kế tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Mạnh Hùng
Các Thẩm phán: Ông Bùi Hữu Nhân
Bà Lê Thị Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Nghi – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:105/2021/TLPT-DS ngày 27/7/2021, về việc “*Tranh chấp tài sản thuộc sở hữu chung và tranh chấp về thừa kế tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 44/2021/DS-ST ngày 16/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Lâm H bị kháng cáo

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 237/2021/QĐ-PT ngày 23/8/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Cụ Đoàn Thị H, sinh năm 1940; Cư trú tại: Số 12, Tổ dân phố Thăng Long, thị trấn Nam B, huyện Lâm H, tỉnh Lâm Đồng (có mặt).

Địa chỉ liên hệ: Số 02, đường Nguyễn Trãi, Phường X, thành phố Đà Lạt.

Người đại diện theo ủy quyền ông Lê Cao T, sinh năm 1985. Cư trú tại: Số 135, đường Nguyễn Công Trứ, Phường 2, thành phố Đà Lạt (có mặt).

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn luật sư Lê Cao T-Văn phòng luật sư Bá Tánh, thuộc đoàn luật sư tỉnh Lâm Đồng. Địa chỉ: 135 Nguyễn Công Trứ, Phường 2, thành phố Đà Lạt (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Lê Minh H, sinh năm 1963. Cư trú tại: Số 12, Tổ dân phố Thăng Long, thị trấn Nam B, huyện Lâm H, tỉnh Lâm Đồng (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Lê Thị Hồng V, sinh năm 1960. Cư trú tại: Số 224/01 đường Phan Đình Phùng, Phường 2, thành phố Đà Lạt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bà Lê Thị Hà B, sinh năm 1968. Cư trú tại: Số 224/01 đường Phan Đình Phùng, Phường 2, thành phố Đà Lạt (có mặt).

3. Bà Lê Thị Thúy T, sinh năm 1973. Cư trú tại: Số 02, đường Nguyễn Trãi, Phường X, thành phố Đà Lạt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

4. Ông Lê Hoài N, sinh năm 1977. Cư trú tại: Số 02, đường Nguyễn Trãi, Phường X, thành phố Đà Lạt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

5. Bà Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1976. Cư trú tại: Số 12, Tổ dân phố Thăng Long, thị trấn Nam B, huyện Lâm H, tỉnh Lâm Đồng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Quyết định kháng nghị số 340/KN-VKS-DS ngày 15/7/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Quyết định số 345/KN-VKS-DS ngày 15/7/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc thay đổi Quyết định kháng nghị số 340/KN-VKS-DS ngày 12/7/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn cụ Đoàn Thị H và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Cao T trình bày: Cụ H và cụ L xây dựng gia đình với nhau vào năm 1959. Tháng 7/1978 thì vợ chồng cụ H cùng các con đi kinh tế mới vào thị trấn Nam B, huyện Lâm H và được cấp đất ở. Đến năm 1992 thì được Nhà nước cấp quyền sử dụng đất đứng tên cụ L diện tích là 1.800m² thuộc thửa 213 tờ bản đồ 09 thị trấn Nam B, huyện Lâm H nhưng thực tế đất này là tài sản chung của vợ chồng cụ Lê Mộng Liên, cụ Đoàn Thị H tạo lập được.

Quá trình chung sống thì các con của cụ L, cụ H đã xây dựng gia đình bà V xây dựng gia đình năm 1980; bà Bắc xây dựng gia đình năm 1988; bà T xây dựng gia đình năm 1993; ông H xây dựng gia đình năm 1996; ông Nam xây dựng gia đình khoảng năm 2008. Sau khi xây dựng gia đình thì các con đều ở riêng ổn định; chỉ riêng ông H ở với vợ chồng cụ H từ nhỏ đến nay. Quá trình chung sống thì có thời gian ông H làm nghề lái xe cho Nông trường cũ, sau này phụ vợ chồng cụ H buôn bán.

Ngày 13/4/2006, cụ L chết không để lại di chúc, năm 2008 cụ H đã đi làm thủ tục tách thửa và cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 213 được tách thành 02 thửa, trong đó thửa 42 có diện tích là 1.471,5m² và thửa 43 có diện tích là 300m² đều thuộc tờ bản đồ số 50 tọa lạc tại khu phố Thăng Long, thị trấn Nam B, huyện Lâm H và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 113252 và số AI 113253 do Ủy ban nhân dân huyện Lâm H cấp ngày 04/01/2008 cho một mình cụ H. Sau đó ông H khiếu nại nên Ủy ban nhân dân huyện Lâm H đã thu hồi lại 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 42, 43 nêu trên theo Quyết định số 3000/QĐ-UBND ngày 06/9/2017.

Về hàng thừa kế cụ L thì bố, mẹ cụ L đã chết từ lâu và đều chết trước cụ L. Cụ L và cụ H sinh được 05 người con gồm: Bà Lê Thị Hồng V, Ông Lê Minh H, Bà Lê Thị Hà B, Bà Lê Thị Thúy T và Ông Lê Hoài N. Ngoài ra cụ L, cụ H không nhận ai làm con nuôi hay bố mẹ nuôi.

Sau khi cụ L chết thì diện tích đất trên do ông H quản lý, sử dụng. Cụ H muốn đề nghị các con cùng thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của cụ L nhưng ông H không đồng ý. Vì vậy, cụ H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của cụ với cụ L, trong đó chia cho cụ ½ tài sản là diện tích đất cùng tài sản trên đất thửa 213; đồng thời, yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của cụ L đối với ½ diện tích đất còn lại cùng tài sản trên đất cho 06 đồng thừa kế của cụ L gồm có cụ H và 05 người con là bà V, ông H, bà Bắc, bà Tvà ông Nam mỗi người 1/6 di sản. Như vậy, tổng tài sản cụ H yêu cầu được chia là 7/12.

Nay theo kết quả đo vẽ thì tổng diện tích đất tranh chấp là 1.800m² thuộc thửa 213 tờ bản đồ 09 thị trấn Nam B. Cụ H và các con của cụ H và cụ L trong đó có ông H cùng thống nhất, yêu cầu Tòa án giải quyết chia cho cụ H ½ diện tích đất có chiều ngang mặt đường nhựa là 9.9m kéo dài hết thửa đất, tổng diện tích là 900m² (trong đó có 200m² đất ở và 700m² đất cây lâu năm); còn chia cho ông H phần diện tích đất còn lại có chiều ngang mặt đường nhựa là 9.9m kéo dài hết thửa đất, tổng diện tích là 900m² (trong đó có 200m² đất ở và 700m² đất cây lâu năm) cùng căn nhà xây 02 tầng trên đất. Ngoài ra cụ H không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn Ông Lê Minh H trình bày: Bố ông là cụ Lê Mộng Liên và mẹ ông là cụ Đoàn Thị H xây dựng gia đình với nhau vào năm 1959 và sinh được 05 người con gồm: Ông H và Bà Lê Thị Hồng V, Bà Lê Thị Hà B, Bà Lê Thị Thúy T, Ông Lê Hoài N. Cha, mẹ của cụ Lê Mộng Liên đã chết từ lâu và chết trước cụ L. Ngoài ra bố mẹ ông không nhận ai làm con nuôi hay bố mẹ nuôi.

Năm 1978, bố ông là cụ Lê Mộng Liên được Nhà nước cấp diện tích đất thửa 213 tờ bản đồ số 09 tọa lạc tại khu phố Thăng Long, thị trấn Nam B, huyện Lâm H. Năm 2002, bố ông viết di chúc để lại thừa kế cho ông toàn bộ thửa đất nêu trên, có cả cụ Đoàn Thị H ký vào di chúc. Ngày 13/4/2006, bố ông chết, đến năm 2008, cụ H tự ý đi làm thủ tục sang tên và tách thửa đất nêu trên thành thửa 42 có diện tích đất 1.471,5m² và thửa 43 có diện tích đất 300m² đều thuộc tờ bản đồ số 50 tọa lạc tại khu phố Thăng Long, thị trấn Nam B. Năm 2012, cụ H giao lại cho ông 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên và viết giấy tặng cho ông 02 thửa đất trên, có người làm chứng và có xác nhận của tổ trưởng tổ dân phố Thăng Long. Khoảng năm 2015 đến năm 2016, ông mang 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên để

đi vay vốn Ngân hàng, cụ H biết và khiếu nại ông đến Ủy ban nhân dân thị trấn Nam B và Công an thị trấn Nam B. Năm 2016, ông làm đơn khiếu nại yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện Lâm H hủy 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên với lý do 02 thửa đất trên là tài sản của cụ L, cụ H đã viết di chúc cho ông nhưng Ủy ban nhân dân huyện Lâm H lại cấp quyền sử dụng đất cho cụ H là không đúng. Sau đó Ủy ban nhân dân huyện Lâm H đã ra quyết định thu hồi, hủy 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho cụ H đối với thửa 42, 43.

Nay, cụ H khởi kiện tranh chấp tài sản thuộc sở hữu chung với cụ L và yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ L đối với thửa đất số 213 thì ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của cụ H vì đây là tài sản riêng của bố, mẹ đã làm di chúc để lại thừa kế cho ông. Hiện nay ông là người đang trực tiếp quản lý, sử dụng đất nêu trên. Tuy nhiên, quá trình Tòa án giải quyết cũng như tại phiên tòa thì ông nhận thấy, mẹ ông là cụ Đoàn Thị H tuổi đã cao nên ông đồng ý cho cụ H $\frac{1}{2}$ diện tích đất có chiều ngang mặt đường nhựa là 9.9m kéo dài hết thửa đất, tổng diện tích là 900m² (trong đó có 200m² đất ở và 700m² đất cây lâu năm); còn lại phần diện tích đất có chiều ngang mặt đường nhựa là 9.9m kéo dài hết thửa đất, tổng diện tích là 900m² (trong đó có 200m² đất ở và 700m² đất cây lâu năm) cùng căn nhà xây 2 tầng trên đất là của ông. Đối với diện tích đất cụ H được chia hiện nay trên đất có 02 căn nhà cấp 4, xây vào khoảng năm 1978 đã xuống cấp, có 01 căn đã sập đổ nên ông không có yêu cầu gì và đồng ý đập bỏ, tháo dỡ để giao đất cho cụ H. Ngoài ra ông không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Bà Lê Thị Hồng V và Bà Lê Thị Hà B cùng có ý kiến trình bày: Các bà là con chung của cụ L và cụ H. Năm 1978, các anh chị em cùng bố mẹ đi kinh tế mới vào thị trấn Nam B. Năm 1980, bà V xây dựng gia đình tại thị trấn Nam B đến năm 1988 thì bà chuyển về Bắc sinh sống cùng chồng; Năm 1988, bà Bắc xây dựng gia đình tại thị trấn Nam B và ở riêng. Bố, mẹ bà là cụ L, cụ H có tài sản chung là diện tích đất thửa 213 tờ bản đồ 09 thị trấn Nam B. Ngày 13/4/2006, cụ L chết không để lại di chúc. Hàng thừa kế của cụ L có cụ H cùng 05 người con là Bà Lê Thị Hồng V, Ông Lê Minh H, Bà Lê Thị Hà B, Bà Lê Thị Thúy T và Ông Lê Hoài N. Sau khi bố các bà chết thì mẹ các bà có nguyện vọng chia tài sản và chia di sản thừa kế của cụ L nhưng do các đồng thừa kế không thống nhất nên cụ H khởi kiện. Nay bà V và bà Bắc thống nhất theo ý kiến của nguyên đơn và bị đơn như trên. Bà V cùng bà Bắc có đơn xin rút yêu cầu độc lập về chia di sản thừa kế của cụ L trong vụ án, đề nghị Tòa án đình chỉ yêu cầu độc lập của bà V và bà Bắc trong vụ án. Ngoài ra, bà V và bà Bắc không yêu cầu gì thêm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Bà Lê Thị Thúy T và Ông Lê Hoài N có ý kiến trình bày: Bà Tvà ông Nam là con chung của cụ L và cụ H. Quá trình chung sống, vợ chồng cụ L, cụ H có tài sản chung là diện tích đất thửa 213 tờ bản đồ 09 thị trấn Nam B. Ngày 13/4/2006, cụ L chết không để lại di chúc. Hàng thừa kế của cụ L có bà Hòa cùng 05 người con là Bà Lê Thị Hồng V, Ông Lê Minh H, Bà Lê Thị Hà B, Bà Lê Thị Thúy T và Ông Lê Hoài N. Sau khi cụ L chết thì cụ H có nguyện vọng chia tài sản và chia thừa kế của cụ L nhưng do các đồng thừa kế không thống nhất nên cụ H khởi kiện thì bà Tvà ông Nam cùng thống nhất theo

yêu cầu khởi kiện của cụ H và yêu cầu Tòa án giải quyết chia cho ông, bà di sản thừa kế của cụ L, trong đó mỗi người yêu cầu được nhận 1/12 tài sản là diện tích đất thửa 213 tờ bản đồ 09 thị trấn Nam B cùng tài sản trên đất.

Đến ngày 31/5/2021, bà Tvà ông Nam đều có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu độc lập về việc yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của cụ L cho ông, bà và đề nghị Tòa án đình chỉ yêu cầu độc lập của ông, bà trong vụ án. Ngoài ra, bà Tvà ông Nam không yêu cầu gì thêm.

Theo bản tự khai, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Bà Nguyễn Thị Thùy L trình bày: Bà xây dựng gia đình với ông H từ năm 1996, sau khi xây dựng gia đình thì bà cùng chung sống với ông H trên căn nhà xây trên đất của bố mẹ ông H là cụ Lê Mộng Liên, cụ Đoàn Thị H. Nhà trên đất là cụ L và cụ H đã xây trước đó, còn vợ chồng bà Linh, ông H không xây dựng gì thêm. Tuy nhiên, bà và ông H có góp công sức làm trên các thửa đất khác của bố, mẹ ông H mà sau này cụ H đã bán và cho những người con khác. Năm 2002, cụ L và cụ H có viết di chúc để thừa kế lại cho ông H nhà đất tại tổ dân phố Thăng Long, thị trấn Nam B, huyện Lâm H, tỉnh Lâm Đồng để làm nơi thờ cúng, không được bán. Việc được hưởng và thừa kế tài sản là thuộc quyền của chồng bà Ông Lê Minh H nên bà Linh không có yêu cầu gì trong vụ án này. Ngoài ra, bà Linh không yêu cầu gì thêm.

Vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số: 44/2021/DSST ngày 16/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Lâm H đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Đoàn Thị H về việc “*Tranh chấp tài sản thuộc sở hữu chung và tranh chấp về thừa kế tài sản*” với Ông Lê Minh H.

Xác định diện tích đất 1.800m² (trong đó có 400m² đất ODT và 1.400m² đất CLN) thửa 213 tờ bản đồ 09 thị trấn Nam B, huyện Lâm H là tài sản chung của cụ Đoàn Thị H, cụ Lê Mộng Liên và Ông Lê Minh H. Ghi nhận sự thống nhất của các đương sự về chia tài sản thuộc sở hữu chung và chia di sản thừa kế của cụ Lê Mộng Liên đối với diện tích đất 1.800m² (trong đó có 400m² đất ODT và 1.400m² đất CLN) thửa 213 tờ bản đồ 09 thị trấn Nam B, cụ thể như sau:

Chia cho cụ Đoàn Thị H Hòa diện tích đất 900m² (trong đó có 200m² đất ở; 700m² đất CLN) thuộc một phần thửa đất 213 tờ bản đồ 09 thị trấn Nam B;

Chia cho Ông Lê Minh H diện tích đất là 900m² (trong đó có 200m² đất ở và 700m² đất CLN) thuộc một phần thửa 213 tờ bản đồ 09 thị trấn Nam B cùng căn nhà xây 02 tầng trên đất.

Đất chia cho cụ H và ông H như trên có họa đồ kèm theo; cụ H và ông H có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Thúy Tình, Bà Lê Thị Hồng V, Bà Lê Thị Hà B, Ông Lê Hoài N về việc yêu cầu chia thừa kế của cụ Lê Mộng Liên cho các ông, bà đối với một phần diện tích đất thửa 213 tờ bản đồ 09 thị trấn Nam B cùng tài sản trên đất.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/7/2021, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng ban hành Quyết định kháng nghị số: 340/KN-VKS-DS, kháng nghị Bản án Dân sự sơ thẩm số: 44/2021/DSST ngày 16/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Lâm H.

Ngày 15/7/2021, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng ban hành Quyết định thay đổi Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 345/HN-VKS-DS, thay đổi Quyết định kháng nghị số: 340/KN-VKS-DS ngày 12/7/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn và bị đơn không kháng cáo đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng giữ nguyên kháng nghị đề nghị Tòa án giải quyết sửa bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời nêu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử: chấp chấp kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng, căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Xuất phát từ việc cụ H và cụ L quá trình chung sống có tạo lập được khối tài sản chung là diện tích đất 1.800m² thuộc thửa 213, tờ bản đồ số 09 thị trấn Nam B, huyện Lâm H. Năm 2006 cụ L chết không để lại di chúc. Các đồng thừa kế của cụ L không thống nhất việc phân chia di sản thừa kế. Do đó, cụ H khởi kiện yêu cầu chia di sản thuộc sở hữu chung và chia di sản thừa kế của cụ L chết để lại. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp tài sản thuộc sở hữu chung và tranh chấp về thừa kế tài sản*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[3] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng thì thấy rằng:

[3.1] Xét về nguồn gốc diện tích đất các bên đang tranh chấp: Diện tích đất các bên đang tranh chấp qua xem xét các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thì thấy rằng, nguồn gốc thửa đất số 213, tờ bản đồ số 09, thị trấn Nam B, huyện Lâm H được Nhà nước cấp cho hộ cụ L năm 1978. Trong quá trình sử dụng gia đình cụ L xây dựng 02 căn nhà cấp 4 trên đất vào năm 1978. Năm 1992 thì được Ủy ban nhân dân huyện Lâm H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ cụ Lê Mộng Liên diện tích 1.800m² thuộc thửa 213, tờ bản đồ số 09 thị trấn Nam B cấp theo diện kinh tế mới. Hội đồng xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày

25/6/1992, xét cấp quyền sử dụng đất cho 131 hộ gia đình, trong đó có hộ cụ Lê Mộng Liên. Qua xác minh của Tòa án nhân dân huyện Lâm H thì diện tích đất trên được cấp cho người sử dụng đất là Lê Mộng Liên diện tích đất là 1.800m² thuộc thửa đất 213, tờ bản đồ số 09, thị trấn Nam B. Qua xác minh thì thời điểm kê khai đăng ký hộ khẩu năm 1978, hộ cụ L gồm 7 người là Lê Mộng Liên, Đoàn Thị Hòa và các con là Lê Thị Hà Bắc, Lê Minh Hải và Lê Hoài Nam, Lê Thị Hồng Vân và Lê Thị Thúy Tình. Tuy nhiên, tại thời điểm đó các con của cụ L và cụ H đều còn nhỏ, chưa đủ tuổi trưởng thành do đó không có đóng góp gì lớn cho khối di sản này.

Do đó, đủ cơ sở xác định nguồn gốc khối di sản trên là do vợ chồng cụ L và cụ H tạo lập nên trong thời kỳ hôn nhân.

[3.2]. Về xác định hàng thừa kế: Theo các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự thì xác định cụ L và cụ H có năm người con là: Lê Thị Hồng Vân, Lê Minh Hải, Lê Thị Hà Bắc, Lê Thị Thúy Tình và Ông Lê Hoài N. Ngoài ra, không có con nuôi hay con riêng nào khác. Bố mẹ cụ L đã chết trước cụ L. Do đó, hàng thừa kế thứ nhất của cụ L gồm: vợ là cụ Đoàn Thị H và 05 người con chung của cụ L và cụ H.

[3.3]. Về phân chia di sản thừa kế và phân chia tài sản chung:

Từ những phân tích nêu trên có đủ cơ sở xác định diện tích đất trên và căn nhà là di sản của cụ L và cụ H tạo lập nên năm 1978. Năm 2006, cụ L chết không để lại di chúc. Ông H cho rằng cụ L chết có để lại di chúc để lại toàn bộ tài sản cho ông và xuất trình bản di chúc nhưng cụ H không thừa nhận là chữ ký và chữ viết của mình. Tòa án cũng đã tiến hành giám định chữ ký tuy nhiên nội dung di chúc không rõ ràng nên không đủ cơ sở xác định bản di chúc mà ông H cung cấp là di chúc do cụ L để lại di sản thừa kế cho ông H.

Do đó, yêu cầu của cụ H yêu cầu chia di sản thuộc sở hữu chung và chia di sản thừa kế của cụ L chết để lại đối với căn nhà và đất thuộc thửa 213, tờ bản đồ số 09, thị trấn Nam B, huyện Lâm H là có cơ sở. Cụ H và cụ L mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$ trong khối di sản là phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm cụ H yêu cầu được nhận $\frac{1}{2}$ diện tích đất là 900m² (trong đó có 200m² đất ở và 700m² đất nông nghiệp) còn căn nhà hai tầng cụ H đồng ý giao cho ông H. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên giao cho cụ H được hưởng $\frac{1}{2}$ trong khối di sản của cụ H và cụ L tạo lập là phù hợp.

Cụ L chết không để lại di chúc, theo quy định tại Điều 651 Bộ luật Dân sự di sản của cụ L chết để lại là $\frac{1}{2}$ trong khối di sản chung với cụ H được chia thừa kế theo pháp luật. Trong đó, hàng thừa kế thứ nhất của cụ L được xác định là cụ H,

bà V, ông Nam, ông H, bà T, bà Bắc mỗi người được hưởng kỷ phần thừa kế bằng nhau.

Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm dựa vào sự thỏa thuận giữa cụ H, ông H và bà Bắc là giao cho ông H được hưởng $\frac{1}{2}$ khối di sản chung của cụ Hoà và cụ L và tuyên giao cho ông H được hưởng $\frac{1}{2}$ khối di sản của cụ L và cụ H tương đương với diện tích đất 900m² đất (trong đó có 200m² đất ở và 700m² đất nông nghiệp) và căn nhà 2 tầng xây trên đất là chưa phù hợp. Bởi lẽ, mặc dù ông Nam, ông Tình và bà V rút yêu cầu độc lập về phân chia thừa kế vì cho rằng đã lập gia đình ổn định có tài sản riêng nên có đơn xin rút yêu cầu độc lập không yêu cầu phân chia di sản thừa kế của cụ L chết để lại nữa nhưng không làm mất đi quyền khởi kiện. Sau này những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nam, bà T, bà V nếu có yêu cầu thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác để yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế.

Mặc khác, đối với $\frac{1}{2}$ di sản thừa kế do cụ L chết để lại các đồng thừa kế có quyền ngang nhau đối với di sản trên. Do đó, việc cụ H, bà Bắc, ông H tự thỏa thuận phân chia di sản của cụ L để lại không được sự đồng ý của ông Nam, ông Tình và bà V là không đúng theo quy định của pháp luật.

Đối với bà Bắc trình bày do bà đã lập gia đình riêng, ổn định về kinh tế nên không yêu cầu được nhận di sản thừa kế của cụ L và xin nhường phần di sản mà bà được hưởng cho ông H và xin rút yêu cầu độc lập, đây là sự tự nguyện của bà Bắc nên cần ghi nhận.

Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự thể hiện ông H là ở từ nhỏ với cụ H cho đến nay. Giai đoạn xây nhà hai tầng ông H cũng trưởng thành và là nguồn lao động chính trong gia đình. Do đó, ông H có công sức đóng góp rất lớn vào tôn tạo, giữ gìn và quản lý tài sản là diện tích đất thửa 213 tờ bản đồ 09 thị trấn Nam B, huyện Lâm H cùng tài sản trên đất và ông H là người đang quản lý và sử dụng di sản trên.

Do đó, cần áp dụng án lệ số 05/2016/AL ngày 06/4/2016 của Hội đồng thẩm phán TANDTC thì ông H được hưởng công sức, giữ gìn, quản lý, tôn tạo di sản thừa kế bằng 50% giá trị của 1 kỷ phần thừa kế là phù hợp.

Như vậy, sau khi phân chia di sản chung bà Hòa được hưởng $\frac{1}{2}$ di sản trong khối tài sản chung. Di sản cụ L để lại theo chứng thư thẩm định giá là 4.253.406.858đ chia cho 4 phần là ông H, ông Nam, bà V và bà T mỗi người được hưởng 1.063.352.000đ. Sau khi trừ phần công sức tôn tạo, giữ gìn của ông H được hưởng là $1.063.352.000:2= 531.676.000$ đồng. Như vậy, giá trị di sản cụ L để lại là $3.721.731.000:4= 930.433.000$ đồng, mỗi người được hưởng một kỷ phần là 930.433.000 đồng.

Do đó, giá trị kỷ phần thừa kế ông H được hưởng của cụ L là 1.462.109.000 đồng nhưng được nhận bằng hiện vật là diện tích đất 900m² (trong đó có 200m² đất ở + 700m² đất nông nghiệp) trên đất có căn nhà xây hai tầng bao gồm cả phần di sản thừa kế của bà V, bà T, ông Nam được hưởng từ cụ L nhưng do bà V, bà T, ông Nam rút yêu cầu độc lập không yêu cầu phân chia di sản của cụ L để lại nên tạm giao phần di sản của bà V, bà T, ông Nam cho ông H quản lý (vì hiện nay ông H đang là người quản lý di sản của cụ L).

Do đó, cấp sơ thẩm tuyên giao cho ông H được hưởng phần di sản thừa kế do cụ L chết để lại trị giá 4.253.406.858 đồng nhưng được nhận bằng hiện vật là ½ giá trị di sản cụ L chết để lại là diện tích đất 900m² (trong đó có 200m² đất ở + 700m² đất nông nghiệp) trên đất có căn nhà xây hai tầng thuộc thửa 213, tờ bản đồ số 09 thị trấn Nam B, huyện Lâm H là không chính xác làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà V, ông Nam, bà T.

Đồng thời, nhận định ông H có đơn xin giảm án phí có xác nhận của chính quyền địa phương và giảm cho ông H ½ tiền án phí buộc ông H nộp 56.127.000 đồng tiền án phí là không chính xác. Bởi lẽ, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 13 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án thì: *“Theo bản án, Quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án thì họ có tài sản để nộp toàn bộ tiền án phí, lệ phí Tòa án mà họ phải chịu”* Do đó, trong trường hợp này ông H không được giảm án phí như án sơ thẩm đã tuyên. Do đó, cần phải sửa lại phần này.

[3.4]. Đối với việc bà Bắc tự nguyện không yêu cầu được nhận di sản thừa kế do cụ L để lại thì cần ghi nhận tự nguyện này của bà Bắc là phù hợp. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm vừa ghi nhận sự tự nguyện của bà Bắc vừa đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của bà Bắc là không đúng quy định nên cần phải sửa bản án về cách tuyên.

Từ những phân tích trên có cơ sở chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng, sửa bản án sơ thẩm theo hướng đã nhận định trên.

[4] Về chi phí tố tụng: Chi phí tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm nguyên đơn đã nộp và đã quyết toán xong nên cần buộc nguyên đơn cụ Đoàn Thị H chịu 22.458.000 đồng tiền chi phí tố tụng (đã nộp và đã quyết toán xong).

Buộc Ông Lê Minh H có trách nhiệm thanh toán lại cho cụ Đoàn Thị H số tiền chi phí tố tụng là 17.958.000 đồng là phù hợp.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn cụ Đoàn Thị H không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm.

Bị đơn Ông Lê Minh H phải chịu 55.864.000 đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm trên phần di sản được hưởng là 1.462.109.000 đồng ((36.000.000 đồng +(3% x 662.109.000 đồng) =55.864.000 đồng))

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng. Sửa Bản án Dân sự sơ thẩm số: 44/2021/DSST ngày 16/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Lâm H. Xử.

1. Đình chỉ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Thúy Tình, Bà Lê Thị Hồng V, Ông Lê Hoài N về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Lê Mộng Liên cho các ông, bà đối với một phần diện tích đất thửa 213 tờ bản đồ số 09 thị trấn Nam B, huyện Lâm H cùng tài sản trên đất.

1.1 Quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án của đương sự được thực hiện theo quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của Bà Lê Thị Hà B về việc từ chối nhận kỷ phần thừa kế của cụ Lê Mộng Liên đối với diện tích đất 1.800m²(trong đó có 400m² đất ODT và 1.400m² đất CLN) thửa 213, tờ bản đồ số 09 thị trấn Nam B, huyện Lâm H.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Đoàn Thị H về việc “*Tranh chấp tài sản thuộc sở hữu chung và tranh chấp về thừa kế tài sản*” đối với Ông Lê Minh H.

3.1 Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Lê Mộng Liên gồm: cụ Đoàn Thị H, Ông Lê Minh H, bà Lê Hị Hồng Vân, Bà Lê Thị Hà B, Bà Lê Thị Thúy T, Ông Lê Hoài N.

3.2 Xác định căn nhà xây hai tầng trên diện tích đất 1.800m² (trong đó có 400m² đất ODT và 1.400m² đất CLN) thuộc thửa 213, tờ bản đồ số 09 thị trấn Nam B, huyện Lâm H là tài sản chung của cụ Đoàn Thị H và cụ Lê Mộng Liên.

3.3 Ghi nhận sự tự nguyện của cụ Đoàn Thị H về chia tài sản thuộc sở hữu chung và chia di sản thừa kế của cụ Lê Mộng Liên đối với diện tích đất 1.800m² (trong đó có 400m² đất ODT và 1.400m² đất CLN) thửa 213, tờ bản đồ số 09 thị trấn Nam B, huyện Lâm H cụ thể như sau:

- Giao cho cụ Đoàn Thị H được quyền quản lý và sử dụng diện tích đất 900m² (trong đó có 200m² đất ở và 700m² đất CLN) thửa 213, tờ bản đồ số 09 thị trấn Nam B, huyện Lâm H có giá trị là 3.701.020.000 đồng và kèm theo họa đồ cụ H được

quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với tài sản vừa nêu.

- Giao cho Ông Lê Minh H được quyền quản lý và sử dụng diện tích đất 900m² (trong đó có 200m² đất ở và 700m² đất CLN) thuộc một phần thửa 213, tờ bản đồ số 09 thị trấn Nam B, huyện Lâm H cùng căn nhà xây hai tầng trên đất tương đương với giá trị kỹ phần ông H được hưởng là 1.462.109.000 đồng.

Tạm giao cho Ông Lê Minh H quản lý kỹ phần thừa kế của Ông Lê Hoài N, Bà Lê Thị Hồng V, Bà Lê Thị Thúy T mỗi kỹ phần thừa kế có giá trị là 930.433.000 đồng.

Kèm theo họa đồ, ông H được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất đối với tài sản vừa nêu sau khi thanh toán xong các kỹ phần thừa kế cho các đồng thừa kế của cụ L là ông Nam và bà V, bà T.

5. Về chi phí tố tụng: Buộc cụ Đoàn Thị H phải chịu 22.458.000 đồng. Số tiền này cụ H đã nộp và đã quyết toán xong.

Buộc Ông Lê Minh H phải thanh toán lại cho cụ Đoàn Thị H số tiền 17.958.000 đồng.

Kể từ ngày bản án hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

6. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho cụ Đoàn Thị H.

Hoàn trả lại cho cụ Đoàn Thị H số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0000626 ngày 05/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm H.

Buộc Ông Lê Minh H phải chịu 55.864.000 đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Bà Lê Thị Hồng V số tiền 15.300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006916 ngày 30/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm H.

Hoàn trả cho Bà Lê Thị Hà B số tiền 15.300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006913 ngày 30/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm H.

Hoàn trả cho Bà Lê Thị Thúy T số tiền 15.300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006914 ngày 30/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm H.

Hoàn trả cho Ông Lê Hoài N số tiền 15.300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006915 ngày 30/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm H.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ &THA;
- TAND H. Lâm Hà;
- Chi cục thi hành án dân sự H. Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Mạnh Hùng

Các Thẩm phán

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

